

Bản án số: **19/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-8-2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lương Khoa

2. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị; Số căn cước công dân: 045199006927, cấp ngày: 15/01/2025, Nơi cấp: Bộ C1.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp S, xã X, tỉnh Đồng Nai; Số căn cước công dân: 091090004949, cấp ngày: 23/8/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Bà và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, đến năm 2018 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc mà thường nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp; vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến gia đình

luôn căng thẳng, ngọt ngào. Ông bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hoàng Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 27/12/2016 và Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 27/12/2016. Khi ly hôn, bà Hoàng Thị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hoàng Thị H trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Hoàng Thị H về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không hòa hợp, bà H không nghe lời ông dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã; ông bà không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay. Nay bà H yêu cầu được ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao 02 con chung là Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 27/12/2016 và Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày 27/12/2016 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Hoàng Thị H không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Hoàng Thị H khởi kiện ông Trần Văn T về việc Ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp S, xã X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị H khởi kiện ông Trần Văn T, nên xác định bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Nay là: xã B, tỉnh Quảng Trị) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Hoàng Thị H, nhận thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc mà thường nảy sinh bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp; vợ chồng

thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Ông bà đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hoàng Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T. Tại bản tự khai ngày 01/8/2025, ông Trần Văn T đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị H.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tại Điều 21 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Qua lời trình bày của bà Hoàng Thị H, ông Trần Văn T chứng tỏ ông bà đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Hoàng Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày: 27/12/2016; Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày: 27/12/2016. Xét thấy, cháu Trần Hoàng Bảo C và cháu Trần Hoàng Bảo N có nguyện vọng muốn ở với mẹ và ông Trần Văn T cũng đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cháu C, cháu N cho bà Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết, ông Trần Văn T trình bày không có nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T trình bày không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 11, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

1. Chấp nhận cho bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Trần Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2018, ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Nay là: xã B, tỉnh Quảng Trị) cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày: 27/12/2016; Trần Hoàng Bảo C, sinh ngày: 27/12/2016 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Hoàng Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung trong trường hợp con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Trần Văn T được quyền thăm nom con chung, nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0027137 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đồng Nai) được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị H, ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV6-Đồng Nai;
- Phòng THADS KV6-Đồng Nai;
- [UBND phường/xã](#);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương